

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI
(Cập nhật, bổ xung năm 2023)

MỞ ĐẦU

Giá trị xã hội là sự đánh giá về tác động tích cực của một sản phẩm hoặc dịch vụ đối với cộng đồng, xã hội và môi trường. Điều này bao gồm việc đảm bảo công bằng, sự cống hiến cho sự phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Bằng cách tạo ra giá trị xã hội, chúng ta đang thúc đẩy sự tiến bộ và cải thiện chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người, bảo vệ môi trường, đem lại lợi ích cho cộng đồng, giải quyết vấn đề xã hội, và nhiều khía cạnh khác.

Giá trị xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc xác định sự phát triển bền vững của một xã hội. Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng của thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của họ.

Giá trị xã hội có thể tạo ra tác động tích cực trong việc xây dựng tinh thần xã hội, tạo ra lòng tin và đoàn kết trong cộng đồng. Việc tạo ra giá trị xã hội dẫn đến sự tăng cường quan hệ xã hội và sự phát triển của các cộng đồng. Như vậy, tác động của giá trị xã hội trong việc tạo ra sự phát triển bền vững là một quá trình phức tạp và đa chiều, trong đó các hoạt động, sản phẩm và chính sách được định hình để tạo ra giá trị xã hội tích cực và đóng góp vào phát triển bền vững của xã hội.

Hội đồng Chứng chỉ rừng (FSC) là một tổ chức quốc tế hoạt động độc lập, được thành lập năm 1993, với nhiệm vụ thúc đẩy quản lý rừng bền vững của thế giới đem lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, nâng cao giá trị sản phẩm gỗ cải thiện đời sống cho người làm rừng, đồng thời bảo vệ môi trường. Tham gia đăng ký chứng chỉ FSC là hoạt động tự nguyện, tuy nhiên với các sản phẩm gỗ được FSC công nhận sẽ được thị trường thế giới chấp nhận với giá cả cao hơn và có thị trường rộng hơn, thậm chí một số thị trường nếu không có chứng nhận của FSC sẽ không trao đổi được. Chính vì thế trong những năm gần đây, cùng với xu thế chung và sự thay đổi về quan điểm kinh doanh rừng bền vững, ở nước ta việc tự nguyện tham gia chứng chỉ FSC đã dần trở nên phổ biến, đặc biệt là các doanh nghiệp có hoạt động trồng rừng và chế biến gỗ nhằm vươn ra thị trường thế giới ngày một xa hơn.

Được thành lập từ năm 1961, tiền thân là Lâm trường Tân Tiến đến năm 1968 chuyển thành Lâm trường Tuyên Bình. Năm 1993 UBND tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 164/QĐ-CT ngày 05/5/1993 của về việc "Thành lập doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Tuyên Bình".

Thực hiện Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp đổi mới và phát triển nông lâm trường quốc doanh. Đơn vị đã xây dựng Phương án chuyển đổi đến ngày 31/3/2008 UBND tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 114/QĐ-UBND "V/v chuyển Lâm trường Tuyên Bình thành Công ty

\\ Lâm nghiệp Tuyên Bình".

Quyết định số 174/QĐ-CT ngày 09/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang "V/v chuyển Công ty Lâm nghiệp Tuyên Bình thành Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tuyên Bình".

Quyết định 700/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án chuyển đổi công ty, sắp xếp công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tuyên Bình thành công ty hai thành viên.

Chức năng nhiệm vụ chủ yếu của Công ty:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Ươm giống cây lâm nghiệp.
- Khai thác gỗ (có nguồn gốc hợp pháp).
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (có nguồn gốc hợp pháp, trừ các loại gỗ nhà nước cấm).
- Tư vấn quản lý Dự án; lập Dự án đầu tư; lập dự toán công trình lâm sinh (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Cưa, xẻ và bào gỗ.
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, và ván mỏng khác (từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp).
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp)
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Thực hiện các quy định của nhà nước và bảo vệ tài sản tài nguyên môi trường quốc phòng an ninh.

Trong những năm qua với các hoạt động trồng và bảo vệ rừng, Công ty đã khẳng định được vị thế trong quá trình đổi mới, không những vậy các hoạt động của Công ty còn góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, cải thiện đời sống cho không những cán bộ, công nhân, người lao động của công ty mà cả những người dân sống gần diện tích rừng của Công ty.

Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình là đơn vị có thành tích tốt trong công tác quản lý bảo vệ rừng và sử dụng rừng, nhưng cũng như nhiều đơn vị Lâm nghiệp khác, Công ty vẫn đang đứng trước những vấn đề về môi trường, kinh tế, xã hội. Để hội nhập vào xu hướng phát triển kinh tế của thế giới thì công tác quản lý bảo vệ và sử dụng rừng ở Công ty cần nâng lên một tầm cao nữa. Việc thực hiện quản lý rừng theo các tiêu chuẩn của FSC và các sản phẩm chế biến từ Lâm sản ở doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn ISO 14001, ISO 9000...(các tiêu chuẩn về môi trường), để có khả năng xuất khẩu ra thị trường thế giới như EU, Nhật, Mỹ...là một hướng đi đúng đắn, giúp cho Công ty phát triển sản xuất và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

Với mục tiêu sản xuất bền vững và mở rộng thị trường sản phẩm, thúc đẩy sản

xuất của Công ty, vừa qua Công ty đã xây dựng phương án Quản lý rừng bền vững, được đánh giá và cấp chứng chỉ rừng theo các nguyên tắc FSC giai đoạn 2023-2030. Để có thể tiếp tục đánh giá một cách toàn diện khả năng đáp ứng của Công ty với các nguyên tắc của FSC thì một trong các hoạt động cần thiết đó là đánh giá tác động xã hội của các hoạt động của Công ty nhằm chỉ ra một cách chính xác những điểm mạnh cũng như các hạn chế của công ty so với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC, từ đó có cơ sở đề xuất các giải pháp giúp tiến trình tham gia FSC của công ty hiệu quả hơn.

I. TỔNG QUAN VỀ KHU VỰC ĐÁNH GIÁ

1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới

Địa bàn hoạt động của Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình nằm trên vị trí, tọa độ:

Từ 1050 04 10 đến 1050 18" độ kinh Đông.

Và 210 39 15 đến 220 vĩ độ Bắc.

Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình nằm trên địa bàn 6 xã: Xã Tràng Đà thuộc Thành phố Tuyên Quang; Các xã: Tân Long, Tân Tiến, Xuân Vân, Trung Trực, Kiến Thiết thuộc huyện Yên Sơn.

- Phía bắc giáp huyện Chiêm Hoá.
- Phía nam giáp thành phố Tuyên Quang.
- Phía tây giáp xã Phúc Ninh của huyện Yên Sơn.
- Phía đông giáp xã Đạo Viện của huyện Yên Sơn.

1.1.2. Diện tích

- Tổng diện tích Công ty được giao quản lý: 1.862,32 ha, thuộc địa phận huyện Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang. Cụ thể:

+ Trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, quản lý diện tích 130,69 ha gồm 01 xã: Xã Tràng Đà: 130,69 ha;

+ Trên địa bàn huyện Yên Sơn, quản lý diện tích 1.731,62 ha gồm các: Xã Tân Long: 74,27 ha; xã Tân Tiến: 767,92 ha, xã Trung Trực: 480,93 ha; xã Xuân Vân: 176,58 ha, xã Kiến Thiết: 231,92 ha.

- Tổng hợp diện tích quản lý và diện tích đề nghị cấp Chứng chỉ rừng: 1.419,83 nằm trên địa bàn các xã Tràng Đà thành phố Tuyên Quang; các xã Tân Long, Tân Tiến, Trung Trực, Xuân Vân, Kiến Thiết huyện Yên Sơn.

1.1.3. Địa hình

Rừng và đất rừng được giao quản lý có 2 vùng với đặc điểm địa hình khác nhau: Vùng phía Bắc và phía Đông thuộc địa bàn xã Kiến Thiết, Tân Tiến Là vùng núi cao, độ dốc trên 25°. Vùng phía Nam và phía Tây như xã Trung Trực, Xuân Vân, Tân Long, Tràng Đà là vùng núi thấp, đồi bát úp, độ dốc bình quân 20- 25°.

Độ cao so với mặt nước biển: Độ cao bình quân so với mặt nước biển từ 140- 300 m.

1.1.4. Khí hậu, thủy văn

a, Khí hậu

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Tuyên Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 2 mùa rõ rệt; nhiệt độ trung bình hàng năm là 22-24°C; mùa nóng nhiệt độ trung bình từ 27- 28°C; mùa lạnh trung bình từ 15- 16 °C nhiệt độ cao tuyệt đối là 39,9°C; nhiệt độ thấp tuyệt đối là 7 °C.

Lượng mưa hàng năm trung bình là 2.000 mm, tập trung vào các tháng 6, 7 và tháng 8 chiếm khoảng 90 % tổng lượng mưa cả năm. Năm có lượng mưa cao nhất là 2.300 mm, năm thấp nhất là 1.250 mm. Số ngày nắng trong năm trung bình là 160 ngày.

Độ ẩm không khí bình quân năm là 85%. Lượng bốc hơi bình quân năm là 1.170 mm.

Mùa xuân có nhiệt độ trung bình từ 22- 25°C, lượng mưa bình quân 800 mm rất thuận lợi cho trồng rừng.

b, Thủy văn.

Trên địa bàn có 2 hệ thủy chính:

Sông Lô chảy qua phía Tây và phía Nam, sông Gâm chảy qua giữa vùng quy hoạch. Hai con sông này kết hợp với hệ thống suối lớn nhỏ tạo điều kiện cho vận chuyển lâm sản bằng đường thủy nhưng mặt khác cũng gây lũ lụt làm ách tắc giao thông, thiệt hại đến hoa màu, cây trồng.

1.1.5. Đặc điểm về đất đai

Có 3 loại đất chính là

- Feralit trên núi cao: Tầng đất sâu, thành phần cơ giới trung bình(vùng phía Bắc)
- Feralit vàng nâu phát triển trên sa phiến thạch sét: Tầng đất trung bình, thành phần cơ giới trung bình, đất thịt nhẹ(vùng phía Tây).
- Feralit bị sỏi mòn, tầng đất mỏng , thành phần cơ giới trung bình đến nhẹ (vùng phía Nam)

Nhìn chung điều kiện tự nhiên trong vùng quản lý của Công ty phù hợp với việc sản xuất kinh doanh nghề rừng. Các loại cây lâm nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên như Keo, Mỡ, Bò Đẻ, Bạch Đàn...

2. Kinh tế xã hội

2.1. Đặc điểm kinh tế

- Trong những năm qua, nền kinh tế của huyện Yên Sơn có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,5%; trong đó: nông- lâm nghiệp- thủy sản đạt 32,43%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 32,64%, thương mại - dịch vụ đạt 34,94%

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 37 triệu đồng/năm. Với sự phát triển kinh tế của huyện như trên đã góp phần tăng năng lực vốn đầu tư cho phát triển kinh tế của huyện.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành nên 05 năm qua kết quả sản xuất lâm nghiệp đạt khá: Tổ chức trồng rừng tập trung được 16.489,7 ha. Trong

ững năm tới cần tập trung triển khai công tác trồng rừng, tăng cường công tác phòng chống phá rừng, củng cố lực lượng bảo vệ rừng, rà soát lại việc giao rừng theo rừng chuyên giao cho hộ gia đình và cộng đồng để nâng cao thu nhập cho nông dân, giảm thiểu tình trạng phá rừng; giữ độ che phủ rừng trên địa bàn huyện đạt trên 61%.

2.2. Đặc điểm xã hội

- **Dân số:** Theo số liệu điều tra thực tế năm 2023, trên địa bàn quản lý của công ty thuộc 06 xã (Trung Trực, Trảng Đà, Tân Long, Tân Tiến, Kiến Thiết, Xuân Vân) của huyện Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang là : 8.331 người, Tỷ lệ hộ nghèo 4,02%.

- **Dân tộc:** Theo số liệu thống kê điều tra năm 2023, trên địa bàn quản lý của công ty có 10 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là người Kinh chiếm 56,06%, dân tộc Tày chiếm 22,41%, dân tộc Dao chiếm 11,75%, dân tộc Nùng chiếm 2,16%, dân tộc Hmông chiếm 6,25%, các dân tộc thiểu số khác chiếm 1,37%, gồm các dân tộc Thái, Mường, Cao Lan, La Chí, Pa Thèn, Hoa.

- **Lao động:** Nhìn chung nguồn nhân lực trong huyện khá dồi dào, nhưng chất lượng lao động còn thấp, lao động phổ thông chiếm tỉ lệ lớn.

II. MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ

Đánh giá được những tác động xã hội của công tác quản lý ở Công ty đối với đời sống cán bộ, công nhân, người lao động của Công ty và cộng đồng dân cư địa phương và ngược lại theo các nguyên tắc 1, 2, 3, 4 của FSC.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá được tác động của các hoạt động quản lý rừng của Công ty đến sinh kế của người dân địa phương

- Đánh giá việc tuân theo pháp luật (nguyên tắc 1)

- Đánh giá quyền của người lao động và điều kiện làm việc (nguyên tắc 2)

- Đánh giá quyền của người bản địa (nguyên tắc 3)

- Đánh giá các quan hệ cộng đồng (nguyên tắc 4)

- Phân tích những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xã hội trong các hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng các nguyên tắc của FSC.

IV. ĐỐI TƯỢNG ĐÁNH GIÁ

1. Tổ FSC, công nhân, người lao động và các hộ nhận khoán.

2. Chính quyền địa phương và các hộ dân trong khu vực.

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Thu thập tài liệu thứ cấp:

Các tài liệu, văn bản hiện hành liên quan đến việc quản lý bảo vệ rừng của Công ty (bao gồm các văn bản luật, thông tư, chiến lược ngành mà công ty lưu hồ sơ), các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc chấp hành các quy định tài chính của Công ty, các văn bản liên quan các thỏa thuận quốc tế như Công ước CITES, Công ước về lao động quốc tế (ILO), Thỏa thuận quốc tế về thương mại gỗ nhiệt đới

(ITTA)...Công ước về lao động.

- + Kế hoạch QLVR hàng năm của Công ty, báo cáo kết quả QLVR hàng năm của Công ty

- + Các tài liệu mô tả tình trạng pháp lý của việc sử dụng đất và rừng hiện tại, danh sách các hộ dân tham gia nhận rừng, hồ sơ giao khoán, bản đồ sử dụng đất và bản đồ hiện trạng rừng, tài liệu về các hương ước, quy định bảo vệ rừng.

- + Các văn bản chứng minh sự đảm bảo về quyền lao động của công nhân thuộc công ty như BHXH, BHYT, sổ hưu...

- + Biên bản, tài liệu các cuộc đào tạo, tập huấn cho người lao động của Công ty, danh mục các địa điểm làm việc có nguy cơ về an toàn lao động, biển báo, bảng báo tại những nơi dễ xảy ra tai nạn lao động.

- + Danh sách các công nhân đã gia nhập Công đoàn ở Công ty, thỏa ước lao động, biên bản và Nghị quyết Hội nghị người lao động của công ty.

2. Điều tra ngoại nghiệp, phỏng vấn các bên liên quan

- Phòng văn bản cấu trúc cán bộ của Công ty về hiểu biết các văn bản quy phạm pháp luật về quyền sử dụng đất của Công ty, các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, các công ước quốc tế, các quy định về quyền lao động, việc thực thi các chế độ bảo hộ lao động đối với cán bộ, công nhân, các chế độ bảo hiểm khác, việc tham gia hoạt động công đoàn của cán bộ, công nhân ở Công ty. Tình hình giao khoán rừng của Công ty, sự phối hợp giữa Công ty với chính quyền địa phương và người dân, tình hình vi phạm, ảnh hưởng của phong tục tập quán canh tác của người dân đến quá trình giao rừng và bảo vệ rừng, những đóng góp, hỗ trợ của Công ty trong việc phát triển cơ sở hạ tầng, văn hóa ở địa phương, các hoạt động tập huấn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công nhân của Công ty, tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân, những thay đổi trong đời sống văn hóa xã hội ở địa phương trong 5 năm gần đây...

- Phòng văn bản cấu trúc người dân địa phương về tình hình nhận đất, nhận rừng, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi, các hoạt động đã tiến hành khi tham gia nhận đất, nhận rừng của Công ty, cơ cấu thu nhập và thu nhập bình quân của nhóm hộ, thay đổi về thu nhập, cơ cấu lao động và thay đổi nhận thức sau khi tham gia nhận đất, nhận rừng...nhằm thu thập các thông tin về những tác động từ các hoạt động của công ty đến các nguồn sinh kế của người dân

- Thảo luận nhóm, phân tích SWOT có sự tham gia của cán bộ Công ty và các hộ tham gia nhận giao khoán để làm rõ các thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với từng bên tham gia và thách thức đặt ra trong và sau khi tham gia FSC.

3. Xử lý nội nghiệp:

- Sử dụng phương pháp thống kê và xử lý các số liệu, dữ liệu trên Excel.

- Tổng hợp và phân tích các thông tin thu thập, so sánh kết quả điều tra với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC để đánh giá những tác động xã hội từ các hoạt động của công ty đối với cộng đồng địa phương và ngược lại.

VI. THỜI GIAN

VII. THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ

1. Nhóm chứng chỉ rừng Tuyên Bình.

2. Tổ chứng chỉ rừng Tuyên Bình.

VIII. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN ĐÁNH GIÁ.

1. Thông tin chung về công ty.

- Với tiền thân là Lâm trường Tuyên Bình được thành lập từ năm 1961, năm 2021 được chuyển thành Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình. Trong những năm qua, Công ty đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu nhiệm vụ do tỉnh giao về hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định an sinh xã hội. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, Công ty luôn tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu được giao là:

- Đảm bảo sản xuất - kinh doanh có lãi; hoàn thành được các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai và phát triển bền vững tài nguyên rừng như: Công ty thực hiện trồng rừng các dự án vốn 327, 661 và trồng rừng bằng nguồn vốn góp của thành viên thứ 2 để phủ xanh đất trống đồi núi trọc đã có kết quả rất tốt, đến nay đã có những cánh rừng phát triển rất tốt để góp phần nâng cao đời sống cho công nhân, người lao động và người dân tại địa bàn quản lý. Rừng và đất rừng Công ty quản lý hoàn toàn là rừng sản xuất

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty:

- Bộ máy tổ chức công ty gồm có:

+ Hội đồng thành viên 2 người (1 người kiêm nhiệm; 01 chuyên trách là Chủ tịch hội đồng).

+ Kiểm soát viên 01 người, hoạt động kiêm nhiệm.

+ Thư ký Hội đồng thành viên: 01 người (hoạt động kiêm nhiệm).

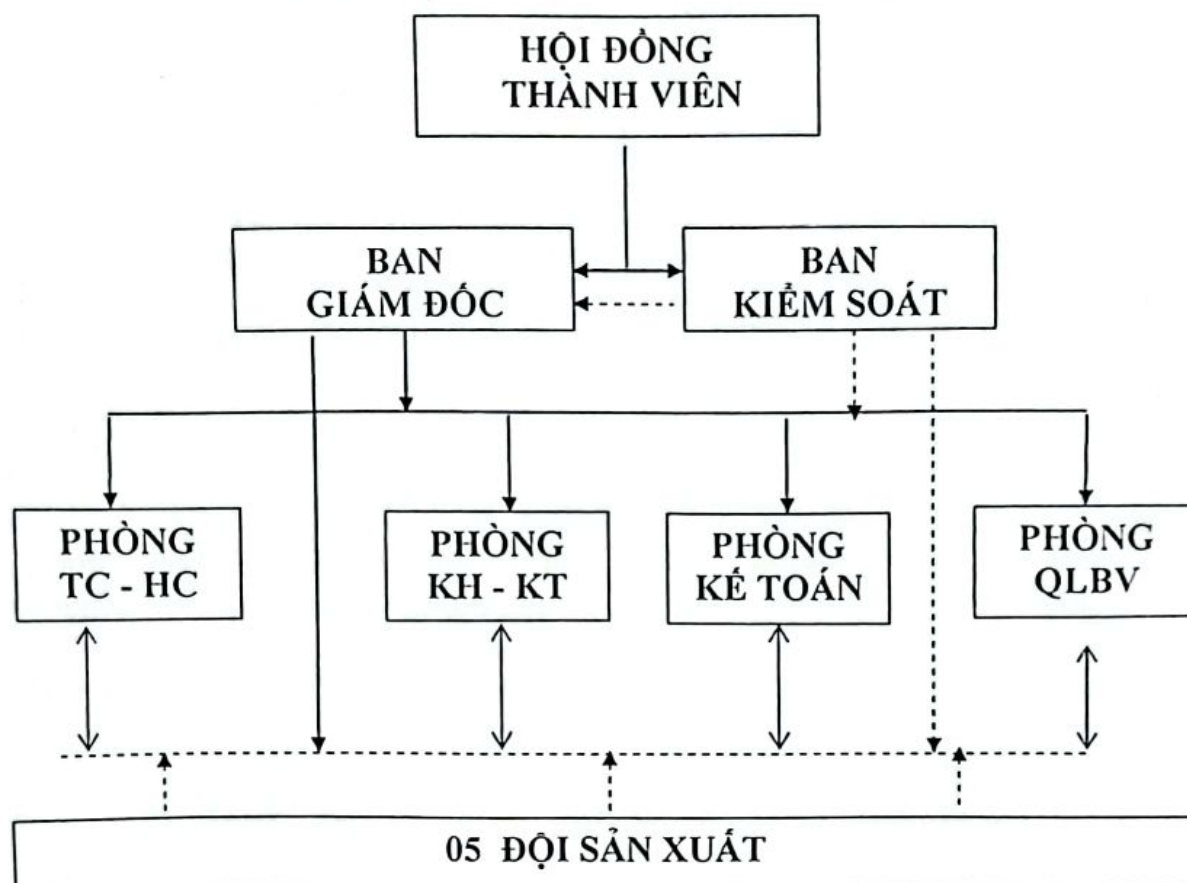
+ Giám đốc Công ty 01, Phó giám đốc Công ty 02 (01 chuyên trách, 01 ban chuyên trách).

+ Đơn vị sản xuất: 05 đội sản xuất;

+ Phòng ban chức năng: 04 đơn vị (Kế hoạch - Kỹ thuật, Kế toán, Tổ chức - Hành chính, QLBV).

- Lực lượng lao động hợp đồng dài hạn hiện nay là 68 người. Trong đó: Bộ máy lãnh đạo, hành chính 19 người (28%); công nhân lao động trực tiếp 49 người (72%). Trình độ cán bộ trên đại học 01 người, chiếm 1,4%, đại học có 15 người chiếm 22%, cao đẳng có 03 người chiếm 4,4%, trung cấp có 01 người chiếm 1,5%, sơ cấp và công nhân bậc thợ từ 1-5 có 48 người chiếm 70,58% và 488 hộ nhận khoán trồng rừng liên doanh với Công ty.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



3. Diện tích quản lý

- Tổng diện tích Công ty được giao quản lý: 1.862,32 ha, nằm trên địa bàn các xã Trảng Đà thành phố Tuyên Quang; các xã Tân Long, Tân Tiến, Trung Trục, Xuân Vân, Kiến Thiết huyện Yên Sơn, cụ thể:

Bảng 01: Thống kê diện tích đất Công ty Quản lý.

TT	Đội lâm nghiệp	Địa bàn xã	Tổng DTQL	Trong đó		
				Đất rừng trồng	Đất khác	Đất phi nông nghiệp
1	Kiến Thiết	Xã Kiến Thiết	231,92	231,68		0,24
2	Tân Tiến	Xã Tân Tiến	767,92	766,11	1,22	0,59
3	Xuân Vân	Xuân Vân	176,58	172,36	3,99	0,23
4	Trung Trục	Trung Trục	480,93	472,03	5,32	3,57
5	Tân Hồng	Tân Long	74,27	74,09	0,00	0,18
		Trảng Đà	130,69	114,25	14,23	2,21
	Cộng		1.862,32	1.830,52	24,77	7,03

- Tổng hợp diện tích quản lý và diện tích đề nghị cấp Chứng chỉ rừng: 1.419,83 nằm trên địa bàn các xã Trảng Đà thành phố Tuyên Quang; xã Tân Long, Tân Tiến, Trung Trục, Xuân Vân, Kiến Thiết huyện Yên Sơn.

Bảng 01: Thống kê diện tích đất Công ty Quản lý.

TT	Đội lâm nghiệp	Địa bàn xã	Tổng DTQL (ha)	Diện tích cấp CCR (ha)
1	Kiến Thiết	Xã Kiến Thiết	231,92	
2	Tân Tiến	Xã Tân Tiến	767,92	
3	Xuân Vân	Xuân Vân	176,58	
4	Trung Trực	Trung Trực	480,93	
5	Tân Hồng	Tân Long	74,27	
		Tràng Đà	130,69	
	Cộng		1.862,32	1.419,83

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC, TIÊU CỰC TIỀM TÀNG ĐẾN XÃ HỘI TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LÂM PHẦN RỪNG TRƯỚC KHI ĐIỀU TRA.

1. Tác động tích cực

+ Góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân, người lao động và người dân địa phương

+ Huy động được vốn nhân đôi, sức lao động trong các hộ gia đình để đầu tư vào phát triển rừng, nâng cao hiệu quả quản lý bảo vệ rừng

+ Tăng cường mối liên hệ, giảm thiểu các xung đột về lợi ích trong quản lý sử dụng đất trên địa bàn. Tạo mối liên kết chặt chẽ với địa phương

+ Nâng cao nhận thức về khoa học công nghệ cho cán bộ, công nhân, người lao động và các hộ tham gia nhận khoán.

2. Tác động tiêu cực tiềm tàng:

+ Việc sử dụng hóa chất, phân bón trong trồng, chăm sóc rừng có tác động không tốt đến nguồn nước, môi trường khu vực

+ Việc xử lý thực bì bằng phương pháp đốt làm ảnh hưởng đến sinh vật trong đất, môi trường, không khí

+ Việc mở đường vận xuất, vận chuyển gỗ làm phá vỡ cấu trúc bề mặt đất của một số vị trí, làm tăng khả năng xói mòn, rửa trôi, sạt lở.

+ Việc vận xuất, vận chuyển gỗ trên lộ, đường có nguy cơ tiềm tàng xảy ra tai nạn cho người di chuyển trong khu vực.

X. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá nội bộ nhóm gồm Ban quản lý nhóm và các Tổ thành viên

1.1. Hiện trạng về rừng trồng của Công ty chia theo loài cây, năm trồng

STT	Năm trồng	Diện tích (ha)		Chia theo loài cây trồng										
		Thiết kế	Hiện còn	Keo tai tượng	Keo lai giâm hom	Keo mô	Bạch Đàn	Gáo	Mỡ	Lim + Lát	Bạch đàn chổi	Hỗn giao (Keo + BD)	Hỗn giao quế + mỡ	Quế
1	1991	3,9	3,9							3,9				
2	1993	4,1	4,1							4,1				
5	2012	0,4	0,4	0,4										
6	2013	0,9	0,9						0,9					
7	2014	0,7	0,7						0,7					
8	2015	5,6	2,5	1,2	1,3									
9	2016	27,6	6,8											
10	2017	123,4	1,9	1,1			3,8							
11	2018	204,0	7,2	61,8	36,7	32,5								
12	2019	197,8	8,8	120,4		68,5								
13	2020	212,8	84,9	85,5			25,8	9,8	4,6		2,1			
14	2021	202,2	201,9	48,6	26,1		111,4	0,6	13,7		1,5			
15	2022	178,5	178,5	20,1	3,9		87,6				53,6	10,8	1,82	0,72
16	2023	172,6	172,1	7,2	24,6		80,1				59,8			0,4
Cộng		1.334,53	1.162,51	182,86	334,30	55,95	420,36	10,4	19,9	8,0	117,0	10,8	1,82	1,12

Tổng diện tích đất Công ty hiện đang quản lý sử dụng : 1.334,53 ha. Đối tượng quản lý rừng chủ yếu là Rừng trồng giao khoán cho cán bộ, công nhân, người lao động và nhân dân địa phương thi công.

Hiện nay, việc giao khoán rừng của Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình cho các hộ thành viên tham gia đạt được một số kết quả nhất định, với tổng số hộ nhận khoán: 488 hộ. Các hộ thành viên tham gia nhận khoán rừng thực hiện tốt việc bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế được tình trạng xâm lấn đất và phá rừng của Công ty, góp phần phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Việc giao khoán diện tích rừng cho các hộ thành viên đã góp phần tạo công ăn việc làm cho một bộ phận người lao động; đa số các hộ nhận khoán thực hiện khá đầy đủ các nghĩa vụ và quyền lợi đã thể hiện trong hợp đồng; thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đảm bảo quốc phòng - an ninh vùng; thu nhập hàng năm ổn, đời sống người dân nhận rừng được cải thiện, ổn định; phát triển tương đối tốt, bảo đảm độ che phủ trên 61%; đạt yêu cầu đề ra.

Tổng diện tích rừng trồng hiện có của công ty: 1.162,51 ha, trong đó:

- Chia theo loài cây trồng: Keo tai tượng (*Acacia mangium*): 182,86 ha; keo lai

giâm hom: 334,30 ha; Keo mô: 55,95 ha; Bạch đàn (*Eucalyptus urophylla*): 420,36 ha; Gáo trắng (*Neolamarckia cadamba*): 10,4ha; Mỡ: 19,9ha; Lim + Lát: 8,0 ha. Bạch đàn chồi: 117,0 ha; Hỗn giao keo + bạch đàn: 10,8 ha, hỗn giao quế + mỡ: 1,82 ha, quế: 1,12 ha.

Tổng trữ lượng rừng trồng: 58.500 m³.

1.2. Thực trạng lao động

- Lực lượng lao động hợp đồng dài hạn hiện nay là 68 người. Trong đó: Bộ máy lãnh đạo, hành chính 19 người (26%); công nhân lao động trực tiếp 49 người (64%). Trình độ cán bộ trên đại học 0 người, đại học có 17 người, cao đẳng có 02 người, trung cấp có 03 người, sơ cấp và học nghề có 02 người. Trong đó cơ cấu như sau:

Bảng 3: Bảng cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	68	100
- Trên Đại học	1	1,47
- Trình độ đại học	15	0,22
- Trình độ cao đẳng,	3	4,4
- Trung cấp	1	1,47
- Lao động phổ thông tự đào tạo	48	70,59
Phân theo loại hợp đồng lao động		
- Lao động không thuộc diện ký Hợp đồng 1 lao động	1	1,47
- Hợp đồng không xác định thời hạn	67	98,53
- Hợp đồng thời vụ	0	0

1.3. Đời sống của công nhân viên của Công ty

Đội ngũ cán bộ của Công ty hoàn toàn đã được ký hợp đồng với Công ty và đều được hưởng đầy đủ các chế độ xã hội theo quy định của Nhà nước, cụ thể trong 5 năm trở lại đây việc thực hiện chi trả các chế độ hưởng lợi của người lao động của công ty được thể hiện như sau:

Bảng 4: Bảng thống kê việc thực hiện các quyền hưởng lợi của người lao động

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm					Tổng	Bình quân/năm
		2019	2020	2021	2022	2023		
- Số lao động	Người	69	70	70	69	67	345	69
- Nộp ngân sách	Tr.đ	190,93	340,08	293,71	273,27	222,957	1320,947	264,19
- Nộp BHXH	Tr.đ	1.233,8	1.220,56	1.254,35	1.210,30	1.394,337	6313,347	1262,70
- Thu nhập Bình quân	Tr.đ	6,55	8,159	8,170	8,133	9,924	40,936	8,187

Qua bảng trên cho thấy, trong 5 năm gần đây Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với việc quyền lợi của người lao động. Việc duy trì cũng như thúc đẩy các hoạt động sản xuất có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống mỗi cán bộ, công nhân, người lao động không chỉ tạo công ăn việc làm cũng như nguồn thu nhập ổn định cho gia đình người lao động mà còn tạo các cơ hội tiếp cận với khoa học công nghệ, đời sống xã hội, dần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần.

Với mức lương bình quân trong 5 năm là 8,187 triệu đồng/người/tháng, so với mặt bằng thu nhập chung của người dân Việt Nam nói chung, người dân huyện Yên Sơn nói riêng, đây là mức thu nhập tương đối cao, đặc biệt trong bối cảnh mức chi trả cho cuộc sống sinh hoạt của người dân ở địa phương lại tương đối thấp, điều này mở ra các cơ hội khác cho bản thân cũng như gia đình các cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty nhằm mở rộng các hoạt động sản xuất của gia đình, tạo thêm nguồn thu, cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần của các thành viên trong gia đình, củng cố và phát triển các nguồn sinh kế của các hộ.

Việc thực hiện chế độ tiền lương hiện nay của Công ty được dựa trên căn cứ vào Điều lệ, quy định hệ thống thang bảng lương của Công ty và dựa vào vị trí việc làm, tính chất đặc thù, yêu cầu của công việc, đảm bảo chấp hành theo đúng các quy định của Nhà nước về chế độ tiền lương và các khoản chi trả mà người lao động được hưởng. Việc chi trả lương của Công ty rất linh hoạt, theo đó luôn tạo động lực khuyến khích cán bộ, công nhân, người lao động của Công ty tích cực làm việc hiệu quả, các dịp lễ, tết Công ty đều có chế độ tài chính động viên, khuyến khích đối với cán bộ công nhân, người lao động. Ngoài lương cơ bản ra, đội ngũ cán bộ, nhân viên còn được hỗ trợ tiền xăng xe, tiền công tác phí, tiền điện thoại. Việc trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và theo đúng yêu cầu chất lượng, ngoài ra văn phòng các đội sản xuất đều có trụ sở khang trang; ngoài việc đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác thì còn tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động thường xuyên cập nhật các thông tin khoa học công nghệ để không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận công nghệ mới áp dụng vào sản xuất.

Xây dựng môi trường làm việc minh bạch và thân thiện: Công ty đã xây dựng và không ngừng nâng cao cải thiện môi trường làm việc minh bạch, đoàn kết nhằm

tạo dựng văn hóa doanh nghiệp trong môi trường hiện đại. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được Công ty công khai trong hội nghị người lao động hàng năm và các hội nghị giao ban hàng tháng. Các khoản thu chi tài chính được ban lãnh đạo họp bàn và thảo luận với các đơn vị, cá nhân liên quan và được thông báo công khai.

1.4. Các hoạt động Đảng và đoàn thể

Tại Công ty có Đảng bộ, Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên thường xuyên quan tâm đến đời sống, tinh thần cũng như vật chất của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động. Các hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao và giao lưu với các đơn vị Công đoàn khác nhằm nâng cao thể chất, đời sống tinh thần của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động của Công ty.

Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, Công đoàn của Công ty còn thường xuyên quan tâm đến đời sống tinh thần của cán bộ, công nhân, người lao động, quan tâm, động viên tạo điều kiện giúp đỡ kịp thời đối với những đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời đối với đoàn viên bị ốm đau, bệnh hiểm nghèo, tai nạn rủi ro; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và đời sống tinh thần cho người lao động. Qua đó góp phần tạo động lực để cán bộ, công nhân, người lao động tích cực phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong thực hiện công việc được giao, góp phần phát triển Công ty ngày một bền vững.

2. Đánh giá tác động xã hội bên ngoài

2.1. Đời sống, việc làm, thu nhập

Đặc trưng diện tích đất được giao, được thuê của Công ty TNHH lâm nghiệp nằm phân tán trên địa bàn tương đối rộng, trong khi lực lượng tuần tra, bảo vệ có hạn, chính vì thế việc phối hợp với chính quyền địa phương cũng như các hộ nhận khoán là hết sức quan trọng. Trong cơ cấu dân tộc, dân tộc kinh chiếm tỷ lệ lớn, mặc dù cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp vẫn chiếm phần lớn, song trong những năm qua, Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình đã thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan tổ chức các cuộc tập huấn chuyển giao kỹ thuật, nâng cao nhận thức trong công tác bảo vệ rừng và PCCCR nhờ đó người dân trên địa bàn đã được nâng cao kỹ thuật sản xuất canh tác đồng thời tích cực tham gia nhận khoán bảo vệ rừng và cải thiện được các nguồn thu từ rừng do phối hợp chặt chẽ với Công ty trong quá trình sản xuất và bảo vệ rừng.

Nguồn thu chủ yếu của người dân tại địa phương là dựa vào canh tác lâm - nông nghiệp (chiếm > 90%), còn lại hoạt động trong các ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Với điều kiện thuận lợi là nằm trong vùng có nhu cầu tiêu thụ gỗ lớn, tương đối thuận lợi cho việc giao thương nguyên liệu gỗ và lâm sản; Điều kiện khí hậu thuận lợi cho sinh trưởng của các loài cây trồng do nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa nhưng ít chịu tác động xấu của thời tiết, tình trạng bão, lũ, lũ lụt, sương muối hiếm khi xảy ra và ít ảnh hưởng đến sản xuất lâm nghiệp; Đất sản xuất lâm nghiệp chủ yếu là đất Feralit trên đồi và núi thấp có tiềm năng cho sinh trưởng và phát triển của cây rừng. Có hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ thuận lợi tạo điều kiện cho nhu cầu phát triển lâm nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đây là lợi thế quan trọng để giao lưu kinh tế hàng hoá; Cơ sở hạ tầng đã từng bước được kiên cố hóa, rất thuận lợi cho việc bảo vệ và phát triển rừng.

Hàng năm bình quân Công ty đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lượt lao động thời vụ tại địa phương, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định an ninh trật tự trên địa bàn các xã lân cận đồng thời tạo mối liên kết chặt chẽ giữa Công ty và chính quyền cũng như người dân địa phương, giảm thiểu các xung đột trong sử dụng đất và quản lý bảo vệ rừng. Trong diện tích rừng mà Công ty quản lý không có người dân định cư, người dân chủ yếu sống ở gần khu rừng của Công ty, tại một số vị trí nhỏ lẻ Công ty đã tiến hành giao khoán cho các hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ đồng thời tạo thêm nguồn thu cho người dân địa phương.

2.2. Hạ tầng cơ sở

Giao thông trong toàn huyện: Được đầu tư nâng cấp các tuyến đường thuộc huyện quản lý, tập trung thi công tuyến đường chính thuộc cụm công nghiệp Thăng Quân; Tuyến đường giao thông khu rừng tâm huyện lỵ Yên Sơn, đến hết năm 2018: 100% các xã và các thôn bản có đường ô tô đến tận trung tâm. Đã nhựa hóa, bê tông hóa 58,48 Km đường tỉnh, đạt 100%; 138,15 km đường huyện, đạt 60%; 850 km đường giao thông nông thôn được bê tông hóa, đạt 50%.

2.3. Hoạt động phúc lợi, hỗ trợ

Hàng năm Công ty trích trong nguồn thu của công ty xây dựng quỹ phúc lợi, thường phục vụ các hoạt động thiện nguyện của Công ty ở địa phương, gây quỹ từ thiện và ủng hộ các công trình cơ sở hạ tầng của địa phương. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng kịp thời đối với các trường hợp có thành tích hay các sáng kiến thúc đẩy sản xuất của Công ty.

Bảng 5: Bảng tổng hợp chi các hoạt động phúc lợi, hỗ trợ cộng đồng

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm					Tổng	Bình quân/năm
		2019	2020	2021	2022	2023		
Ủng hộ các loại quỹ	Tr. đ	43,266	23,461	55,06	42,375	54,33	218,492	43,70
Ủng hộ xây dựng đường bê tông	Tr. đ	12,0	5,8	7,50	8,00	81,0	114,3	22,86
Ủng hộ xây dựng nhà văn hóa	Tr. đ	6,40	5,00	4,20	0,05	0	15,65	3,13
Khen thưởng	Tr. đ	61,44	59,6	196,25	125,15	47,0	489,44	97,89
Cộng tổng		123,11	93,861	263,01	175,575	182,33	837,882	

3. Đánh giá tác động xã hội theo tiêu chuẩn VFCS

3.1. Theo nguyên tắc 1: Tuân theo pháp luật

Hoạt động quản lý rừng phải tôn trọng pháp luật hiện hành áp dụng tại từng nước sở tại, và các hiệp ước, thỏa thuận quốc tế mà nước sở tại ký kết tham gia, tuân thủ mọi nguyên tắc và Tiêu chí của FSC.

* Kết quả thực hiện:

- Hoạt động quản lý rừng đảm bảo tôn trọng pháp luật hiện hành của quốc gia văn bản pháp luật, bao gồm Luật và các văn bản liên quan đến lâm nghiệp, đất đai, các văn bản quy định, hướng dẫn về trồng, khai thác rừng, giao đất giao rừng, quyền sử dụng đất, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, Pháp lệnh về giống, các công ước về đa dạng sinh học, buôn bán các loài động vật và thực vật có nguy cơ. Bên cạnh đó, cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty đều được tập huấn, phổ biến, được trang bị các tài liệu nghiệp vụ phục vụ cho công tác bảo vệ rừng về các văn bản, quy định của Nhà nước cũng như địa phương và niêm yết các nội dung, nguyên tắc tại các đội lâm nghiệp của Công ty để triển khai công việc đạt hiệu quả cao, chính vì vậy đội ngũ cán bộ công nhân, người lao động của Công ty đều nắm vững các điều luật quy định các hoạt động của họ cũng như các tiêu chuẩn hành nghề, hướng dẫn hoặc các thỏa thuận, chính vì vậy, trong thời gian qua

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các khoản lệ phí, thuế, các khoản phải nộp khác theo quy định của luật pháp, minh chứng bằng các chứng từ do các cơ quan có thẩm quyền cấp cho Công ty sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Công ty không có vụ việc vi phạm phải xử lý bằng pháp luật trong những năm gần đây.

- Công ty đã có văn bản cam kết thực hiện lâu dài tiêu chuẩn FSC.

- Công ty đã lưu trữ và phổ biến cho cán bộ, công nhân, người lao động các công ước quốc tế.

- Các khu rừng do Công ty quản lý không bị khai thác trái phép và định cư bất hợp pháp.

- Công ty không có vụ việc vi phạm phải xử lý bằng pháp luật trong những năm gần đây.

3.2. Theo nguyên tắc 2: Đánh giá quyền của người lao động và điều kiện làm việc

Những hoạt động quản lý kinh doanh rừng có tác dụng duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế - xã hội lâu dài của công nhân, người lao động và các hộ nhận khoán.

* Kết quả thực hiện:

Hiện nay công ty đã tạo việc làm cho trên 50 cán bộ công nhân viên, công ty thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn của pháp luật về bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần cải thiện cuộc sống cho người lao động.

Công ty thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo cho người lao động, nhằm đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng, quản lý và khai thác rừng trên địa bàn. Công ty luôn quan tâm đến phong trào trồng cây gây rừng, ươm cây giống phục vụ cho Công ty và nhân dân trong khu vực, luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần

của CBCN, người lao động trong toàn công ty; Công ty tổ chức động viên thăm hỏi kịp thời khi CBCN, người lao động và người thân không may ốm đau phải nằm viện... Doanh thu hàng năm đạt trên 10 tỷ đồng.

Công ty đã tiến hành đóng bảo hiểm cho người lao động là cán bộ công nhân viên của Công ty. Có phổ biến các quy định về an toàn lao động, bảng niêm yết an toàn lao động tại các đơn vị, có trang thiết bị an toàn cho người lao động.

Thực hiện dân chủ trong cơ quan, lấy ý kiến của người lao động về các vấn đề liên quan đến công việc, cuộc sống, phát huy sáng kiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty đã xây dựng và không ngừng nâng cao cải thiện môi trường làm việc minh bạch, đoàn kết nhằm tạo dựng văn hóa doanh nghiệp trong môi trường hiện đại.

Công ty đã có chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động hợp đồng thời vụ.

Nhìn chung mối quan hệ giữa Công ty với người lao động được thực hiện khá tốt, mọi lợi ích được giải quyết trên cơ sở những cam kết giữa hai bên và hài hòa lợi ích.

3.3. Theo nguyên tắc 3: Quyền của người bản địa

Quyền hợp pháp và theo phong tục của người dân sở tại về quản lý, sử dụng rừng và đất của họ được công nhận và tôn trọng.

* Kết quả thực hiện:

Hoạt động quản lý rừng của Công ty không những không đe dọa, làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất và sở hữu tài nguyên của người dân sở tại mà còn góp phần tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân địa phương.

Trong khu vực đất thuộc quyền quản lý của Công ty không có những địa danh có ý nghĩa về văn hóa, lịch sử, sinh thái, kinh tế, tôn giáo, tín ngưỡng.

Công ty công nhận và tôn trọng các quyền hợp pháp của người dân về quản lý sử dụng đất của họ; Có văn bản cam kết giữa Công ty với địa phương (xã) về cơ chế giải quyết các mâu thuẫn về quản lý bảo vệ rừng; có thỏa thuận và thực hiện việc bồi thường khi làm ảnh hưởng đến đất đai của người dân.

* Tồn tại:

Công ty chưa thực sự chú trọng đến việc tập hợp, sưu tầm và sử dụng các kiến thức bản địa của người dân địa phương.

3.4. Nguyên tắc 4: Quan hệ cộng đồng

Những hoạt động quản lý kinh doanh rừng có tác dụng duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế - xã hội lâu dài của các cộng đồng địa phương.

* Kết quả thực hiện:

Hiện nay mỗi năm Công ty đã ký hợp đồng với hơn 400 hộ nhân dân hợp đồng liên doanh trồng rừng với công ty, tạo việc làm cho gần 1000 lao động là người địa phương trong việc thực hiện trồng, chăm sóc và khai thác rừng, trong đó đa phần là đồng bào dân tộc Cao lan, Tày, Nùng... ở địa phương, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần cải thiện cuộc sống cho người lao động. Ngoài ra, khi Công ty khai thác rừng người dân địa phương được tận dụng cành, ngọn về làm củi đun.

Biểu 03: Số hộ tham gia hoạt động trồng rừng, khai thác với Công ty

Đội sản xuất	Số hộ tham gia hoạt động trồng rừng liên doanh		Số người tham gia hoạt động khai thác	
	Trong Công ty	Ngoài công ty	Trong Công ty	Ngoài công ty
Tân Hồng	7	27		
Xuân Vân	8	8		
Trung Trực	13	15		
Tân Tiến	8	51		
Doàng – Kiến Thiết	19	22		
Cộng	54	123		

Đã lưu trữ công ước 87 và 98 của ILO, Bên cạnh đó công ty cũng chú trọng đến việc đánh giá tác động xã hội và cập nhật danh sách người dân và nhóm người trực tiếp chịu ảnh hưởng của các hoạt động quản lý rừng.

Công ty thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo cho người lao động, nhằm đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng, quản lý và khai thác rừng trên địa bàn. Công ty đã có những đóng góp tích cực vào các dịch vụ sản xuất và đời sống trên địa bàn. Luôn quan tâm đến phong trào trồng cây gây rừng, ươm cây giống phục vụ cho Công ty và người dân địa phương.

Với những người dân địa phương sống lân cận địa bàn quản lý của Công ty thì thu nhập do tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh Công ty mang lại có thể lên đến 70% thậm chí 100% tổng thu nhập của gia đình họ.

Công ty đã làm tốt công tác xã hội như đóng góp quỹ xây dựng trường học, quỹ khuyến học, ủng hộ đồng bào bão lụt, quỹ vì người nghèo...

Kế hoạch của Công ty không mâu thuẫn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Công ty có nhiều hoạt động đóng góp xây dựng nhiều công trình phúc lợi trên địa phương. Lường trước đến những tác động xấu của hoạt động quản lý rừng của mình đến lợi ích của người dân địa phương, Công ty có tham khảo lấy ý kiến của họ

Nhìn chung mối quan hệ giữa Công ty với người dân và chính quyền địa phương được thực hiện khá tốt, mọi lợi ích được giải quyết trên cơ sở những cam kết giữa hai bên và hài hòa lợi ích.

*** Tồn tại:**

Nhận thức của người dân về an toàn lao động trên một số lĩnh vực còn hạn chế

4. Các biện pháp ngăn ngừa các tác động tiêu cực xã hội có thể xảy ra

- Năm 2023 Công ty tiếp tục sử dụng đất được giao đúng mục đích và phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Đưa các quyền lợi và trách nhiệm của nhà thầu đối với công nhân của họ trong việc đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động được công bằng và chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ.

- Phân bổ các khoản chi cho công tác xã hội (ủng hộ các loại quỹ, các chương trình xã hội,...) trong kế hoạch tài chính hàng năm.

- Trang bị hoặc cho người lao động mượn đầy đủ các loại bảo hộ lao động, thực hiện đào tạo phương pháp sử dụng bảo hộ lao động, quy trình kỹ thuật và an toàn vệ sinh lao động tương thích với công ty.

- Hàng năm xây dựng thông báo đánh giá rủi ro của từng công việc cũng như từng thiết bị được thực hiện trong các nội dung công việc. Đồng thời có các biện pháp giảm thiểu hoặc loại trừ các rủi ro có thể xảy ra. Phổ biến để người lao động nắm được để phòng tránh.

XI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ đảm bảo quyền lợi, đời sống và không ngừng cải thiện thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động của công ty.

Công ty đã thực hiện tốt vai trò của mình đối với xã hội, đóng góp vào sự phát triển của địa phương, nâng cao thu nhập, giải quyết thỏa đáng các quyền lợi của cộng đồng và người dân sống gần rừng, địa bàn do Công ty quản lý. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt vai trò xã hội đối với cộng đồng địa phương bằng các hoạt động hỗ trợ xây dựng các công trình an sinh xã hội như nhà văn hóa, đường giao thông, quỹ từ thiện.

Nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực về mặt xã hội của các hoạt động sản xuất đáp ứng các tiêu chí của FSC của Công ty chúng tôi tiếp tục thực hiện một số giải pháp sau:

Sưu tập, phổ biến cho người lao động, cán bộ công nhân viên của công ty và lưu trữ các công ước quốc tế có liên quan đến các hoạt động của công ty mà nhà nước đã ký kết như: Công ước LHQ về Đa dạng sinh học (1992); Công ước Cartagena về an toàn sinh thái cho Đa dạng sinh học; Công ước LHQ về chống Sa mạc hóa; Công ước quốc tế về đất ướt; Công ước LHQ về Biến đổi khí hậu; Công ước CITES; Các công ước quốc tế về lao động (ILO).

Có chương trình tuyên truyền sâu rộng các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tới được từng cán bộ, công nhân, người lao động và kể cả những người dân địa phương để họ nắm được, hiểu được ý nghĩa của việc thực hiện các nguyên tắc này trên cơ sở đó sẽ thực hiện tốt và giúp giám sát thực hiện chúng có hiệu quả hơn. Song song với các hình thức tuyên truyền hiện tại thì cần đổi mới, thay đổi làm đa dạng hóa cách thức tuyên truyền, phổ biến như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng cho cán bộ công nhân, người lao động, học sinh cũng như người dân địa phương. Kết hợp với Trung tâm văn hóa huyện, chính quyền, các đoàn thể của địa phương trên địa bàn để phối hợp tuyên truyền, thực hiện,

Ranh giới đất lâm nghiệp của Công ty được cắm mốc toàn bộ trên thực địa. Nơi nào dễ xảy ra hiện tượng xâm lấn thì cần đào hào, làm hàng rào, bổ sung các biển báo, bảng hiệu, cắm nhiều mốc hơn. Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng cũng như người dân địa phương trong việc quản lý rừng và

đất rừng. Có cơ chế thu hút những người dân sống gần rừng, đồng bào dân tộc thiểu số, những hộ gia đình khó khăn, kể cả những người ngoại tỉnh tham gia vào các hoạt động sản xuất, quản lý rừng và đất rừng của Công ty.

Tiến hành lập văn bản thỏa thuận với cộng đồng địa phương về việc thu hái lâm sản trên đất của Công ty quản lý, về cơ chế giải quyết các mâu thuẫn về quyền sở hữu, sử dụng đất và rừng. Lập quy ước quản lý và bảo vệ rừng, quyền sử dụng đất và sở hữu các tài nguyên khác giữa công ty và cộng đồng địa phương.

Bàn bạc với cộng đồng địa phương về các tác động xấu có thể xảy ra đối với họ trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Bàn bạc cơ chế đền bù thiệt hại.

Điều tra thu thập và tài liệu hóa các kiến thức bản địa của địa phương (nếu có) để sử dụng vào trong công tác quản lý và sản xuất của mình. Nên có văn bản thỏa thuận và chế độ chi trả thỏa đáng cho những người cung cấp thông tin và sở hữu những kiến thức bản địa đó. Nếu là những kiến thức quý báu, có ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty thì nên có kế hoạch hợp tác lâu dài với các chuyên gia về các lĩnh vực đó.

Mở các lớp tập huấn về công tác an toàn cho người lao động, kể cả lao động thời vụ. Công việc này phải được thực hiện một cách thường xuyên và liên tục. Có chế độ kiểm tra nhắc nhở, khen thưởng cá nhân, tập thể làm tốt, xử lý kỷ luật người vi phạm. Làm tốt công tác tuyên truyền ngăn ngừa tai nạn lao động. Tăng cường các bảng báo hiệu ở những nơi nguy hiểm, công khai các hướng dẫn, quy trình sử dụng, nội quy an toàn lao động đối với các loại thiết bị, vật tư, vật liệu nguy hiểm, dễ xảy ra cháy nổ, độc hại...

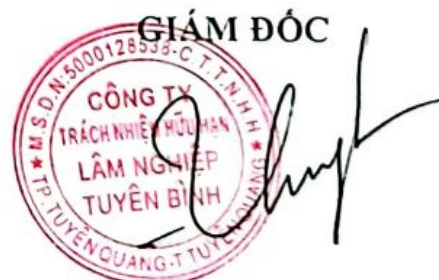
Tiếp tục mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, kể cả số lao động thời vụ.

Lưu trữ và phổ biến công ước 87 và 98 của ILO.

Cập nhật danh sách người dân và các nhóm người chịu ảnh hưởng của các hoạt động quản lý rừng của Công ty, tổ chức cuộc họp tham khảo ý kiến người dân, trao đổi với cộng đồng địa phương về kế hoạch quản lý rừng của Công ty cũng như cơ chế giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trên cơ sở được sự đồng thuận của cộng đồng người dân địa phương.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT Tuyên Quang
- UBND huyện Yên Sơn
- Ban giám đốc
- Các phòng CM;
- Các đội SX;
- Lưu: VT, FSC.



Nguyễn Ngọc Tháp

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
I. TỔNG QUAN VỀ KHU VỰC ĐÁNH GIÁ.....	3
1. Điều kiện tự nhiên	3
1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới	3
1.1.2. Diện tích	3
1.1.3. Địa hình	3
1.1.4. Khí hậu, thủy văn	3
1.1.5. Đặc điểm về đất đai	4
2. Kinh tế xã hội	4
2.1. Đặc điểm kinh tế.....	4
2.2. Đặc điểm xã hội	5
II. MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ	5
III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ.....	5
IV. ĐỐI TƯỢNG ĐÁNH GIÁ	5
V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	5
1. Thu thập tài liệu thứ cấp:	5
2. Điều tra ngoại nghiệp, phỏng vấn các bên liên quan.....	6
3. Xử lý nội nghiệp:	6
VI. THỜI GIAN	6
VII. THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ	6
VIII. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN ĐÁNH GIÁ.	7
1. Thông tin chung về công ty.	7
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty:.....	7
3. Diện tích quản lý	8
IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC, TIÊU CỰC TIỀM TÀNG ĐẾN XÃ HỘI TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LÂM PHẦN RỪNG TRƯỚC KHI ĐIỀU TRA.	9
1. Tác động tích cực	9
2. Tác động tiêu cực tiềm tàng	9
X. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ.....	9
1. Đánh giá nội bộ nhóm gồm Ban quản lý nhóm và các hộ thành viên.....	9
1.1. Hiện trạng về rừng trồng của công ty chia theo loài cây, năm trồng	9
1.2. Thực trạng lao động	11
1.3. Đời sống của công nhân viên của Công ty.....	11
1.4. Các hoạt động đoàn thể.....	13
2. Đánh giá tác động xã hội bên ngoài.....	13
2.1. Đời sống, việc làm, thu nhập	13

2.2. Hạ tầng cơ sở	14
2.3. Hoạt động phúc lợi, hỗ trợ	14
3. Đánh giá tác động xã hội theo tiêu chuẩn VFCS	14
3.1. Theo nguyên tắc 1: Tuân theo pháp luật	15
3.2. Theo nguyên tắc 2: Đánh giá quyền của người lao động và điều kiện làm việc	15
3.3. Theo nguyên tắc 3: Quyền của người bản địa	16
3.4. Nguyên tắc 4: Quan hệ cộng đồng	16
XI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	18